

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày 05/01/2023

“V/v: Yêu cầu huỷ di chúc thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn và ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/12/2022 và ngày 05/01/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLPT - DS, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu huỷ di chúc thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm 74/2022/DS - ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2022/QĐ-PT, ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 09, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Thành M- Luật sư, Văn phòng Luật sư số 54, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số nhà 253, đường T, tổ 11, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim O (tên gọi khác Nguyễn Thị O), sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 33A, ngõ 603 L, tổ 29, cụm 4, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O là ông Nguyễn An B - Luật sư, Văn phòng Luật sư Nguyễn An B và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 512A, C1A, chung cư Ecohome2, T, Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt phần tranh tụng, vắng mặt khi tuyên án.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951;
Địa chỉ: Số nhà 14, tổ 14, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.
2. Anh Đỗ Đăng Minh N(tên gọi khác Đ), sinh năm 1991;
Địa chỉ: Số nhà 37B, tổ 2 (tổ 4 cũ), đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội - Vắng mặt.
3. Chị Đỗ Ngọc Thiên H(tên gọi khác Đỗ Ngọc H), sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số nhà 33A, ngõ 603 L, tổ 29, cụm 4, phường X, quận T, thành phố Hà Nội - Vắng mặt.
- Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Đăng Minh N và chị Đỗ Ngọc Thiên H là bà Nguyễn Thị Kim O (tên gọi khác Nguyễn Thị O), sinh năm 1957;
Địa chỉ: Số nhà 33A, ngõ 603 L, tổ 29, cụm 4, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.
4. Anh Lương Nguyễn Đ, sinh năm 1981;
Địa chỉ nơi làm việc: Bưu điện thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
5. Chị Lương Thùy D, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số nhà 14, tổ 14, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.
6. Bà Hoàng Thiên H, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.
7. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.
8. Ông Hoàng Thanh T, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số nhà 05, ngách 13, ngõ 176, phố X, tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.
9. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.
10. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số nhà 15, đường L, tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
11. Phòng Công chứng S;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Văn T– Chức vụ: Trưởng phòng, địa chỉ: Đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai; Biên bản hòa giải và tại phiên***

tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Bố mẹ đẻ ông Nguyễn Văn H là cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1911 (đã chết năm 1993) và cụ Đỗ Thị Q, sinh năm 1912 (đã chết năm 1999), sinh được 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942 (đã chết năm 2014) có chồng Hoàng Văn S (đã chết); có con là H, H1, T T2, T3. Tôi Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1946 (đã chết năm 1949); ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951 - ở khu X (không rõ địa chỉ), phường T, thành phố T; bà Nguyễn Thị T, sinh 1952 (đã chết năm 1981), trước khi chết bà Thên chưa có chồng, con; bà Nguyễn Thị O (Nguyễn Thị Kim O), sinh năm 1957 - Hộ khẩu thường trú: Tổ 39 cũ, phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang; nay bà O ở địa chỉ: Số nhà 33A, ngõ 603, L, tổ 29, cụm 04 X, quận T, thành phố Hà Nội. Bố ông là cụ Nguyễn Văn Đ có tất cả 03 người vợ (tôi không rõ ai là vợ cả, ai là vợ hai, ai là vợ ba; tôi chỉ biết bố ông có vợ là cụ Đỗ Thị Q, cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Thị S), các bà vợ của cụ Đ đều đã chết cách đây nhiều năm. Khi còn sống mẹ tôi cụ Đỗ Thị Q có lập di chúc thừa kế di sản cho các con cháu trong đó có bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O), nhưng theo tôi khi cụ Đỗ Thị Q lập các bản di chúc thì cụ Q không được minh mẫn, viết sai quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội, không đúng thực tế về đất, nhà của cụ Q vì ông biết khi đó chỉ có 5,5 sào ruộng lúa ở Miếu Âm Hồn, thuộc phường T, nay đất này Nhà nước đã quy hoạch cấp hết đất để làm nhà cho người dân; 03 sào ruộng lúa ở Góc Sung, phường T; 01 sào đất rau muống khu X, phường T cũng đã quy hoạch hết làm nhà cho người dân, nhưng khi còn sống cụ Q lại khai có 5,5 mẫu ruộng để đòi Nhà nước đền bù công khai phá đất. Bên cạnh đó ông là con đẻ của cụ Q thì cụ Quý lại nói ông không phải là con đẻ của cụ Q mà là con riêng của bà vợ hai cụ Nguyễn Văn Đ là cụ Nguyễn Thị H.

Chính vì những lý do trên ông cho rằng khi cụ Q lập di chúc để lại di sản cho con, cháu thì cụ Q không được minh mẫn, viết sai quy định của pháp, trái đạo đức xã hội, nên ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế di sản của cụ Đỗ Thị Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông yêu cầu Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đã lập cho con, cháu và bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ có lưu tại Phòng Công chứng S vì bản di chúc này lập không đúng về tài sản, đất đai để lại cho con, cháu, không đúng thực tế với tài sản, đất đai của cụ Q có. Ngoài ra ông không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Luật sư Nguyễn Thành Mtrình bày tại phiên tòa: Ông Hoàn toàn nhất trí với nội dung ông Nguyễn Văn H đã trình bày trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đã lập cho con, cháu và bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S lưu tại Phòng Công chứng S, vì bản di chúc này của cụ Q lập đã

xâm phạm đến quyền lợi của cụ Nguyễn Văn Đ (chồng cụ Q); khi lập di chúc không có người chứng kiến theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995; khi di chúc lập về phần tài sản, đất đai để lại cho con, cháu là không đúng với thực tế tài sản, đất đai của cụ Q có khi còn sống.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) trình bày:**
Về bố, mẹ đẻ của bà và có các con như ông Nguyễn Văn H đã trình bày là đúng thực tế. Bà O vẫn giữ nguyên quan điểm bản di chúc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ được lập làm 03 bản gốc, trong đó 01 bản gốc ông Nguyễn Văn Đ (anh trai bà O) hiện ở phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đang giữ; 01 bản gốc bà O giữ; 01 bản gốc lưu ở Phòng Công chứng S. Do trước đây bản di chúc gốc này bà O gửi ở nhà ông Nguyễn Văn H, nên ông H đã lợi dụng giữ luôn không trả lại cho bà O sau đó ông H tự ý tẩy sửa năm sinh của cụ Đỗ Thị Q từ sinh năm 1912 thành sinh năm 1932; tự ý tẩy sửa số chứng minh nhân dân của cụ Đỗ Thị Q từ số 070049843 thành 070048943, để từ đó ông H cho rằng cụ Đỗ Thị Q khi viết di chúc không minh mẫn, viết trái pháp luật để khởi kiện yêu cầu huỷ di chúc này của cụ Q. Do vậy, bà nhất trí yêu cầu huỷ bản di chúc gốc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ mà ông H đã giữ sau đó nộp cho Tòa án lưu trong hồ sơ vụ án, vì bản di chúc gốc này đã bị tẩy xoá, sửa chữa năm sinh và số chứng minh nhân dân của cụ Đỗ Thị Q. Còn bản di chúc gốc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ mà hiện nay ông Nguyễn Văn Đ đang giữ 01 bản gốc, Phòng Công chứng S đang lưu 01 bản gốc thì vẫn có giá trị pháp lý, bà không nhất trí huỷ vì di chúc được lập hợp pháp, có Công chứng của Nhà nước đầy đủ, đúng quy định đã được mở di chúc tại UBND phường T, thành phố T năm 2014 trước sự chứng kiến của đại diện UBND phường T và bà O, ông Đ, ông H.

Vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 15/12/1997 mẹ bà là cụ Đỗ Thị Q đã tự ý sửa đổi, bổ sung một phần di chúc về thừa kế di sản, đất đai cho bà như toàn bộ nội dung của bản di chúc sửa đổi và bổ sung một phần đề ngày 15/12/1997, hồi 08 giờ 45 phút mà bà đã phô tô nộp cho Tòa án lưu trong hồ sơ vụ án. Khi cụ Q tự nguyện lập di chúc sửa đổi và bổ sung một phần đề ngày 15/12/1997, hồi 08 giờ 45 phút này, thì cụ Q hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, tự nguyện sửa đổi, bổ sung, nhưng do tuổi già không tự viết được, nên cụ Q có nhờ bà Nguyễn Thị N khi đó là Giáo viên Trường cấp III huyện Y , tỉnh Tuyên Quang, viết bản di chúc sửa đổi và bổ sung một phần đề ngày 15/12/1997, hồi 08 giờ 45 phút này, trước sự chứng kiến của bà Trần Thị Phương T, ông Hà Hữu H, ông Hà Xuân N là hợp pháp, nên bà không nhất trí huỷ bản di chúc này.

Ngoài ra bà vẫn giữ nguyên nội dung phản tố đối với ông Nguyễn Văn H vì ông H kiện yêu cầu huỷ toàn bộ các bản di chúc thừa kế di sản của cụ Đỗ Thị Q là sai. Yêu cầu phản tố của bà yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải bồi thường danh dự, tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho bà tổng số tiền là 102.060.000 đồng (Một trăm linh hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó: Tiền tổn thất tinh thần 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng); tiền thuê khách sạn, ăn uống 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); tiền thuê xe ô tô đi Tuyên Quang 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); tiền phô tô đơn 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Ngoài ra không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Luật sư Nguyễn An B trình bày trình bày tại phiên tòa: Hoàn toàn nhất trí với nội dung bà Nguyễn Thị Kim O đã trình bày ở trên vì tài sản, đất đai là của cụ Đỗ Thị Q. Khi cụ Q lập di chúc thì cụ Q có sức khỏe bình thường, hoàn toàn minh mẫn. Tiếp sau đó ngày 15/12/1997 khi cụ Q lập di chúc sửa đổi bổ sung thì cụ Q hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, tự nguyện lập và có 02 người trở lên làm chứng. Do vậy, bản di chúc của cụ Q đề ngày 05/9/1997 lập hồi 07 giờ 45 phút, có xác nhận của Phòng Công chứng S mà hiện nay ông Nguyễn Văn Đ đang giữ 01 bản, Phòng Công chứng S giữ 01 bản và bản di chúc sửa đổi bổ sung của cụ Q lập ngày 15/12/1997 là hoàn toàn hợp pháp, không trái đạo đức xã hội và đúng pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*** Bố mẹ đẻ của ông là cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Đỗ Thị Q, sinh được 06 người gồm: Bà Nguyễn Thị H (đã chết năm 2014) có chồng Hoàng Văn S (đã chết); có con là Hải, Hương, Thanh Thuý, Thọ. Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D (đã chết năm 1949), tôi Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị O (Tên gọi khác Nguyễn Thị Kim O). Theo ông thì ông H có mâu thuẫn với bà O, trong di chúc lại không có tên ông H được thừa kế di sản của cụ Đỗ Thị Q, nên mới có việc ông H kiện huỷ di chúc này. Theo ông bản di chúc của cụ Q viết khi đó hoàn toàn minh mẫn, đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có chứng thực của Công chứng viên Ma Thị Sthuộc Phòng Công chứng S chứng thực theo đúng quy định của pháp luật. Năm 1997 khi cụ Q viết di chúc thì được viết ra làm 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, trong đó ông giữ 01 bản, bà O giữ 01 bản và Phòng Công chứng S lưu 01 bản, nhưng ông không rõ vì sao bản di chúc do bà O giữ mà ông H lại có được. Bản di chúc của ông H hiện đang giữ theo ông được biết bị tẩy sửa năm sinh của cụ Q và tẩy sửa số Chứng minh nhân dân của cụ Q, tức là cụ Q sinh năm 1912 thì bị sửa thành năm 1932; số chứng minh nhân dân của cụ Q là 070049843 thì bị sửa thành 070048943, chính vì lý do bị tẩy sửa này để ông H cho rằng cụ Q khi viết di chúc không minh mẫn, trái pháp luật để khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ di chúc của cụ Q như trên. Ông khẳng định rõ bản di chúc gốc chính xác không bị tẩy xóa thì hiện tại ông đang giữ 01 bản; Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tuyên Quang giữ 01 bản; còn bản di chúc ông H đang giữ cũng là bản gốc, nhưng bị tẩy sửa năm sinh của cụ Q và tẩy sửa số chứng minh nhân dân của cụ Q,

còn lại những thông tin khác của bản di chúc là đúng. Ông đề nghị Tòa án huỷ toàn bộ bản di chúc của cụ Q mà ông H đang giữ vì lý do bản di chúc này bị tẩy sửa năm sinh và tẩy sửa số chứng minh nhân dân của cụ Q là sai trái, vi phạm pháp luật. Ông không tranh chấp gì về di sản thừa kế của bố mẹ tôi, không tranh chấp gì về di sản, đất đai với bất cứ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P trình bày: Bố mẹ đẻ của ông là cụ Nguyễn Văn Đ (đã chết năm 1993) và cụ Nguyễn Thị H (đã chết năm 1985). Đối với cụ Trần Văn P (đã chết lâu năm nay) ông không quen biết và không phải là bố đẻ của ông, nên ông không có quan hệ huyết thống gì với cụ Trần Văn P. Bố mẹ ông sinh ra các con chung gồm: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1947 hoặc 1948 (đã hy sinh năm 1969), trước khi hy sinh anh Th chưa có vợ con. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 - ở khu X, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1952. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1954 (đã chết) có chồng là Nguyễn Duy H, con Nguyễn Duy B, Nguyễn Duy B, Nguyễn Thị H- ở phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 - ở phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (đã chết năm 2005) có vợ là Chu Thị V, con là Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C- ở tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Tôi, Nguyễn Văn P (tức H) và chị Nguyễn Thị H (đổi tên là La Thị M), sinh năm 1960, bố mẹ ông đã cho người khác làm con nuôi từ khi còn nhỏ tuổi. Hiện nay chị H (M) ở xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra cụ Đỗ với cụ Q hoặc với ai khác có con chung, con riêng, con nuôi như thế nào ông P không biết cụ thể. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) là anh em ruột.

Đối với bản di chúc mang tên cụ Đỗ Thị Q, đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ, bản di chúc này do ông Nguyễn Văn H đã giao nộp cho Tòa án bản gốc; bà O và Phòng Công chứng S nộp bản phô tô có lưu trong hồ sơ vụ án có ghi “- *Phần di sản của chồng tôi là ông Nguyễn Văn Đ đã chết năm 1993, phần di sản này tại số nhà 71 tổ 31 (cũ) phường T, thị xã Thiện nay do anh Nguyễn Văn H (con riêng của bà vợ hai của ông Đỗ) đang quản lý*” thì ông yêu cầu Tòa án huỷ toàn bộ bản di chúc trên của cụ Đỗ Thị Q vì lý do cụ Đỗ Thị Q có ghi di chúc là nhà và đất số nhà 71, tổ 31 (cũ) phường T, thị xã T là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ do anh Nguyễn Văn H con riêng của bà vợ hai ông Đỗ là không đúng thực tế từ trước đến nay, vì nhà, đất từ trước đến nay ông P đang quản lý và thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn Văn T không phải là số nhà 71, tổ 31 (cũ) phường T, thị xã Tuyên Quang, mà nhà và đất này của ông trước đây có số nhà bao nhiêu ông không nhớ (nhưng không phải là số nhà 71), tổ 27 chứ không phải tổ 31 (cũ), phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang.

Về nguồn gốc nhà, đất từ trước đến nay ông P đang quản lý và thờ cúng Liệt

sĩ Nguyễn Văn T tổ 27 (cũ) nay là tổ 10, phường T, thị xã T(nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, là đất của Nhà nước cấp cho riêng mẹ ông là cụ Nguyễn Thị H từ năm 1963 (lúc này bố ông là cụ Nguyễn Văn Đ không có tên trong hộ khẩu gia đình ông và đến năm 1972 cụ Đ mới nhập khẩu với gia đình ông), nên đất không liên quan gì đến bố ông cụ Nguyễn Văn Đ, còn nhà do mẹ ông làm nên sau đó anh chị em ông tu sửa như hiện nay. Sau khi mẹ ông chết đi có để lại toàn bộ nhà và đất cho ông được thừa kế và thờ cúng Liệt sĩ T. Toàn bộ diện tích đất này khi Nhà nước cấp cho mẹ ông cụ H tổng cộng là 313m², mẹ ông chia cho anh L 120m² anh L làm nhà ở sau đó cũng chuyển nhượng nhà và đất này cho người khác. Còn lại là đất mẹ ông để lại cho ông 193m² đất, nhưng do đất rộng nên ngày 11/11/2005 UBND thị xã T chỉ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn P và vợ ông Phùng Hồng A diện tích 103,4m² đất ở tại thửa số 28, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: Tổ 17 (nay là tổ 10), phường T, thị xã T(nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, ông dùng làm nhà ở đến năm 2015 ông chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất này cho anh N (không rõ họ tên), còn lại diện tích đất 93m² giáp ranh thì chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông đã làm nhà ở và thờ cúng bố mẹ và Liệt sĩ Nguyễn Văn T từ trước cho đến nay mà chính là số nhà 15, đường L, tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, bản di chúc mang tên người lập là cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ, do ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O), sinh năm 1957 có giao nộp cho Toà án lưu trong hồ sơ có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, cũng như liên quan đến diện tích đất 93m² ông đang ở và thờ cúng bố mẹ và Liệt sĩ Nguyễn Văn T từ trước cho đến nay ở số nhà 15, đường L, tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thì ông yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bỏ toàn bộ bản di chúc này.

Ngoài ra, ông không tranh chấp gì về di sản thừa kế của bố mẹ ông. Ông không tranh chấp gì về đất đai, tài sản với ai khác. Ông không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Đăng Minh N(Đ) và chị Đỗ Ngọc Thiên H(Đỗ Ngọc H) trình bày: Lúc cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Đỗ Thị Q còn sống cụ ông, cụ bà sinh sống ở cùng với Anh N, chị Hương. Ông Nguyễn Văn H không ở cùng nhưng cũng không có trách nhiệm nuôi cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Đỗ Thị Q. Anh N, chị H đề nghị Tòa án xem xét cụ Đỗ Thị Q không phải sinh năm 1932 như ông H đã cung cấp. Đề nghị giữ nguyên di chúc của cụ Q lập ngày 05/9/1997 đã được Phòng Công chứng chứng thực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Nguyễn Đ, chị Lương Thùy D trình bày: Anh Đ, chị D không đồng ý hủy bản di chúc như đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H vì Anh Đ, chị D là người có quyền lợi hợp pháp liên quan. Anh Đ, chị D không tham gia khiếu kiện, khiếu nại về phần di sản của cụ Nguyễn Văn Đ và Anh Đ, chị D xin từ chối hưởng di sản của cụ Đỗ và cụ Q (nếu có). Anh

Đ, chỉ D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết bản di chúc nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thiên H, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T trình bày: Ông T, ông T1, bà H là con Bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị Phương Hương) đã chết năm 2013 và ông Hoàng Văn S đã chết năm 1998. Việc ông Nguyễn Văn H kiện yêu cầu hủy di chúc của cụ Q lập khi còn sống cho các con, cháu với người bị kiện là bà Nguyễn Thị Kim O thì ông T, ông T1, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông T, ông T1, bà H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì. Việc giải quyết nội dung vụ án ông T, ông T1, bà H đã ủy quyền cho anh Hoàng Thanh T đại diện giải quyết, nên đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Thanh T trình bày: Ông Thuý là con bà Nguyễn Phương Hương đã chết năm 2013. Vụ việc ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu hủy di chúc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05/9/1997 và ngày 15/12/1997. Mẹ ông là Nguyễn Phương Hương, nhưng trong di chúc ghi Nguyễn Thị H là sai. Di chúc lập năm 1997 thì mẹ của ông 55 tuổi, nhưng di chúc lại ghi mẹ ông 62 tuổi là sai. Di chúc ghi ông Nguyễn Văn H sinh năm 1942 là sai lệch khoảng 02 năm. Bản di chúc lập ngày 15/12/1997 không có Công chứng Nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường. Bản di chúc ngày 05/9/1997 không có chữ ký hoặc điểm chỉ vào từng trang là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995. Bản di chúc ngày 05/9/1997 ghi tên con gái là Nguyễn Thị O, bản di chúc ngày 15/12/1997 ghi tên là Nguyễn Thị Kim O là không trùng khớp tên đệm của bà O. Bà ngoại của ông là cụ Đỗ Thị Q liệu đầu óc có còn được tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt và có phù hợp với các quy định về đạo đức xã hội khi cung cấp thông tin chứng minh về tài sản chung, riêng của vợ chồng khi lập di chúc không. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T căn cứ quy định của pháp luật và những nội dung ông nêu trên để kiểm tra, xem xét áp dụng pháp luật tại thời điểm lập di chúc quy định Điều 655, 656 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 12, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và pháp luật khác có liên quan để xem xét vụ án khách quan đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng S, do người đại diện theo pháp luật trình bày: Việc chứng thực bản di chúc gốc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ mà hiện nay đang lưu 01 bản ở Phòng Công chứng S, được lập và chứng thực theo đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Hà Hữu H trình bày: Ngày 15/12/1997 ông H có đến

nhà cụ Q hỏi thăm sức khỏe vợ chồng cụ Q với tư cách là tổ phó tổ dân phố. Ông H cùng ba người khác được cụ Q nhờ chứng kiến hộ cụ thay đổi bổ sung di chúc ngày 05/9/1997, vì đông con nhưng lúc già yếu chỉ có mỗi con gái cụ là cô O nuôi dưỡng, chăm sóc, còn lại những người con khác không thăm hỏi nhìn ngó gì hai cụ. Chúng tôi giúp cụ viết lại ý nguyện của cụ và chứng kiến cụ điền chỉ vào di chúc sửa đổi tại nhà cụ, cụ hoàn toàn minh mẫn đã điền chỉ trước mặt chúng tôi vào di chúc sửa đổi nội dung “tài sản sau khi kiện đòi được cho con gái út hết còn các người con khác không được quyền can thiệp”.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nhung là người đã đến thăm cụ Đỗ Thị Q và giúp đỡ cụ về vật chất vì cô O là con gái phải nuôi hai bố mẹ già và hai con nhỏ. Ngày 15/12/1997 tại nhà cụ Q có nhờ bà Nhung viết hộ thay đổi bổ sung di chúc, chúng tôi có 03 người viết theo ý nguyện của cụ Q đọc và chứng kiến cụ Q điền chỉ vào di chúc bổ sung.

Người làm chứng ông Hà Xuân N bà Trần Thị Phương T trình bày: Cụ Nguyễn Văn Đ là người có công với Cách mạng, cụ Đỗ Thị Q ở với cô O và hai đứa con. Do cuộc sống khó khăn lúc đó Hợp tác xã nông nghiệp có ông Nguyễn bà Thảo và 03 người khác cùng đến thăm hai cụ, ngồi nói chuyện thì cụ Đỗ Thị Q nhờ chúng tôi thay đổi di chúc của cụ đã viết ngày 05/9/1997 vì lý do 02 cụ già ốm không có người chăm sóc, các con khác không con nào nhìn ngó chăm sóc. Cô Nhung viết hộ nguyện vọng của cụ Q và tất cả chúng tôi đọc lại cho cụ nghe nội dung sau đó cụ đã điền chỉ văn bản sửa đổi bổ sung di chúc.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đức trình bày: Ông Đ là con cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị S. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim O là anh em cùng cha khác mẹ với ông Đ. Ông Đ không liên quan gì đến đất đai, tài sản với cụ Đỗ Thị Q và không có tranh chấp gì.

Người làm chứng bà Đỗ Thị Thu trình bày: Bà Thu là con cụ Đỗ Viết T, bố bà là em của cụ Đỗ Thị Q. Bà có biết trước đây cụ Q có ở trên đất của ông Nguyễn Văn Đ là con trai cụ Q hiện đang ở, còn đất này có phải của cụ Q hay của ông Đ thì bà Thu không biết. Ngoài ra bà Thu không liên quan đến việc ông Nguyễn Văn H khởi kiện.

Người làm chứng ông Đỗ Tiến T trình bày: Ông T sinh ra lớn lên ở phường T, thị xã T đến năm 1970 ông T đi Bộ đội đến năm 1990 ông T chuyển về phường P, thị xã T cho đến nay, do vậy ông T không biết gì về tài sản, đất đai của cụ Đỗ Thị Q.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị T và bà La Thị M trình bày: Về nguồn gốc nhà, đất từ trước đến nay ông Nguyễn Văn P (tên gọi khác Nguyễn Văn H) đang quản lý và thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn Văn T ở tổ 27 (cũ) nay là tổ 10, phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, có nguồn gốc là đất của Nhà nước cấp riêng cho cụ Nguyễn Thị H từ năm 1963 (lúc này cụ Nguyễn Văn Đ không có tên trong hộ khẩu của cụ Nguyễn Thị H đến năm 1972 cụ Đỗ mới nhập khẩu với gia đình cụ Nguyễn Thị H), nên đất không liên quan gì đến cụ Nguyễn Văn Đ, còn nhà do cụ Nguyễn Thị H làm nên sau đó anh chị em

tôi tu sửa để cho anh P (H) ở như hiện nay. Sau khi cụ Nguyễn Thị H chết đi có để lại toàn bộ nhà và đất cho anh P (Hùng) được thừa kế và thờ cúng Liệt sĩ Thành. Toàn bộ diện tích đất này khi Nhà nước cấp cho cụ Nguyễn Thị Hồng cộng là 313m², cụ H chia cho anh L 120m² anh L làm nhà ở sau đó cũng chuyển nhượng nhà và đất này cho người khác. Còn lại là đất cụ H cho anh P (H) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn P và Phùng Hồng A, đất này hiện nay gia đình anh P (H) đang sử dụng tại tổ 17 (nay là tổ 10), phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đã lập cho con, cháu và bà Nguyễn Thị Kim O (Nguyễn Thị O) đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S.

Người làm chứng bà Ma Thị S trình bày có lưu trong hồ sơ vụ án: Vào thời điểm tháng 9 năm 1997 bà S là Công chứng viên của Phòng Công chứng S. Việc bà chứng thực bản di chúc gốc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, tại Phòng Công chứng S, đề ngày 05/9/1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ mà hiện nay đang lưu 01 bản ở Phòng Công chứng S, được lập và chứng thực theo đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật. Khi lập di chúc tại Phòng Công chứng S, cụ Đỗ Thị Q có tình trạng sức khỏe bình thường, minh mẫn; không có ai ép buộc; không bị ai hướng dẫn, gợi ý.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 640; Điều 584 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đã lập cho con, cháu và bà Nguyễn Thị Kim O (Nguyễn Thị O) lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ có lưu tại Phòng Công chứng S.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O (Nguyễn Thị O) về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải bồi thường danh dự, tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho bà Nguyễn Thị Kim O (Nguyễn Thị O) tổng số tiền là 102.060.000 đồng (Một trăm linh hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H gửi qua bưu điện ngày 19/8/2022 có nội dung: Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp nhận khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn, tuyên sửa, hủy bản án số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T. “*Tuyên hủy di chúc ngày 05/9/1997 và di chúc ngày 15/12/1997 của bà Đỗ Thị Q theo quy định của pháp luật*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế di sản của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997 và di chúc ngày 15/12/1997 của cụ Đỗ Thị Q.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế của cụ Đỗ Thị Q đã lập ngày 05 tháng 9 năm 1997.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Thành Minh, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng đã gửi cho Hội đồng xét xử bản luận cứ bào chữa có nội dung như sau: Nội dung di chúc thống kê những tài sản được các cơ quan hành chính và hai bản án bác bỏ, nhưng bản án sơ thẩm không xem xét những chứng cứ, tài liệu mà phía nguyên đơn đã cung cấp, hình thức và nội dung của di chúc được công chứng đã vi phạm điều 659 Bộ luật Dân sự năm 1995, việc hủy di chúc là cần thiết, vì hiện nay bà O đang sử dụng di chúc để khởi kiện nhiều vụ án khác là ảnh hưởng đến những hộ bị khởi kiện, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O (Nguyễn Thị O) là ông Nguyễn An Bình: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Về án phí: Do ông H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H gửi qua bưu điện ngày 19/8/2022 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Cụ Đỗ Thị Q không còn được tính tảo, minh mẫn trong khi khai lập bản di chúc ngày 05/9/1997 và di chúc ngày 15/12/1997, Công chứng viên không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật về công chứng trong việc thực hiện chứng thực bản di chúc ngày 05/9/1997 cho cụ Qùy vi phạm các quy định, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng luật tại thời điểm lập di chúc là không đúng quy định tại Điều 655, 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước và Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận khởi kiện và kháng cáo hủy di chúc ngày 05/9/1997 và di chúc ngày 15/12/1997 của cụ Đỗ Thị Q.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S. Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Cụ Đỗ Thị Q lập di chúc đề ngày 05 tháng 9 năm 1997 có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đến ngày 15/12/1997 cụ Đỗ Thị Q lập di chúc sửa đổi, bổ sung. Đến năm 1999 cụ Đỗ Thị Q chết, ông Nguyễn Văn H là con của cụ Q không có quyền khởi kiện yêu cầu hủy di chúc tài sản của cụ Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997 là không có căn cứ. Bởi vì ông Nguyễn Văn H là con của ông Đỗ và bà Q, thuộc hàng thừa kế thứ nhất, do vậy ông H có quyền khởi kiện yêu cầu huỷ di chúc của bà Q. Khi giải quyết cấp sơ thẩm không đánh giá, phân tích về tính hợp pháp và có căn cứ của bản di chúc của cụ Đỗ Thị Q lập ngày 05 tháng 9 năm 1997 là thiếu sót chưa đánh giá hết tính chất, nội dung của vụ án.

[3]. Đối với bản di chúc của cụ Đỗ Thị Q đề ngày 05 tháng 9 năm 1997 được lập tại Phòng Công chứng S có chứng nhận của Công chứng viên bà Ma Thị S bản di chúc có nội dung để lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O), Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Đ, anh Lương Nguyễn Đ, chị Lương Thuỳ Dung, chị Đỗ Ngọc H, anh Đ. Bản di chúc có điểm chỉ của cụ Đỗ Thị

Q và chữ ký, ghi họ tên của người ghi chép bà Ma Thị S và đóng dấu của Công chứng viên bà Ma Thị S- Phòng Công chứng S, di chúc được giao cho bà bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) giữ và được lưu tại Phòng Công chứng S (Bút lục 130).

Về hình thức bản di chúc của cụ Đỗ Thị Q đề ngày 05 tháng 9 năm 1997 được lập tại Phòng Công chứng S, di chúc được lập thành văn bản được công chứng, hình thức của di chúc không trái quy định của pháp luật. Trong khi lập di chúc cụ Đỗ Thị Q là người có đủ năng lực hành vi dân sự, minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

Về nội dung của bản di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do nguyên đơn khởi kiện huỷ di chúc, nên khi giải quyết chỉ xem xét di chúc có hợp pháp hay không chứ không chia di sản thừa kế nên không phải xác minh làm rõ công sức đóng góp của cụ Nguyễn Văn Đ và các đương sự khác cùng vụ án trong khối di sản của cụ Đỗ Thị Q để lại trong di chúc.

Từ những nhận định nêu trên HĐXX xác định bản di chúc của cụ Đỗ Thị Q đề ngày 05/9/1997, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, được lưu tại Phòng Công chứng S là bản di chúc được lập theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại các Điều 655; 656; 660; 668 Bộ luật dân sự năm 1995. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cũng như bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, nên cần phải sửa việc áp dụng điều luật và sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm để phù hợp bản chất của vụ án.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đề nghị huỷ di chúc ngày 15/12/1997 của cụ Đỗ Thị Q, HĐXX xét thấy, tại đơn khởi kiện vụ án dân sự đề ngày 19/4/2021 thể hiện tại bút lục số 01 và đơn khởi kiện vụ án dân sự bổ sung ngày 14/5/2021 bút lục 28 của ông Nguyễn Văn H chỉ yêu cầu khởi kiện nội dung đề nghị huỷ di chúc ngày 05/9/1997 của cụ Đỗ Thị Q, trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết nội dung ông Nguyễn Văn H yêu cầu huỷ di chúc ngày 05/9/1997 của cụ Đỗ Thị Q. Nhưng tại đơn kháng cáo của ông H và tại phiên tòa phúc thẩm ông H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết huỷ di chúc ngày 15/12/1997 của cụ Đỗ Thị Q. Do nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H đề nghị huỷ di chúc ngày 15/12/1997 của cụ Đỗ Thị Q là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, chưa được thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm, nên HĐXX phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu huỷ di chúc ngày 15/12/1997 của cụ Đỗ Thị Q.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 655; 656; 660; 668 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Về việc yêu cầu hủy di chúc ngày 05/9/1997 của cụ Đỗ Thị Q.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy toàn bộ bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đã lập cho con, cháu và bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ lưu tại Phòng Công chứng S.

- Tuyên bố bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Q đã lập cho con, cháu và bà Nguyễn Thị Kim O (Tên gọi khác Nguyễn Thị O) lập ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào hồi 07 giờ 45 phút, có chứng nhận của bà Ma Thị S- Công chứng viên Phòng Công chứng S, đề ngày 05 tháng 9 năm 1997, vào sổ QS:01, trang 36, số TT 1361; lệ phí 10.000đ lưu tại Phòng Công chứng S là di chúc hợp pháp.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/01/2023).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã gửi)

Nguyễn Đức Nam

